

MỤC LỤC

DANH MỤC HÌNH ẢNH	3
DANH MỤC BẢNG BIỂU	3
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	4
CHƯƠNG I.....	5
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	5
1. Tên chủ cơ sở.....	5
2. Tên cơ sở.....	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	7
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	7
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	9
4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hoá chất.....	9
4.2. Nhu cầu nhiên liệu	10
4.3. Nhu cầu sử dụng điện	10
4.4. Nhu cầu sử dụng nước	10
CHƯƠNG II	12
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	12
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	12
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	12
CHƯƠNG III	14
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	14
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	14
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	14
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	14
1.3. Xử lý nước thải	16
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	17
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	18
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:	18
3.2. Chất thải rắn chăn nuôi:	19
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	21
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	22
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	22
CHƯƠNG IV	26

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở
“Trang trại chăn nuôi gà Nguyễn Công Tuấn”*

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	26
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	26
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	27
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	28
CHƯƠNG V	30
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	30
CHƯƠNG VI.....	31
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	31
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	31
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	31
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	32
CHƯƠNG VII.....	33
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	33
CHƯƠNG VIII	34
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	34
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	34
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan.....	34
PHỤ LỤC BÁO CÁO	35

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. Công nghệ chăn nuôi gà thịt	7
Hình 2. Sơ đồ thoát nước mưa tại cơ sở	14
Hình 3. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt tại Cơ sở	15
Hình 4. Sơ đồ thu gom nước thải vệ sinh chuồng trại tại Cơ sở	15
Hình 5. Cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn	16

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Các hạng mục công trình	5
Bảng 2. Nhu cầu nhiên liệu đầu vào	9
Bảng 3. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở	11
Bảng 4. Quy trình quản lý, xử lý chất thải nguy hại của Cơ sở	21
Bảng 5. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	26

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BOD	:	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	:	Bê tông cốt thép
BTNMT	:	Bộ tài nguyên môi trường
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
NĐ	:	Nghị định
UBND	:	Ủy ban nhân dân
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QĐ	:	Quyết định
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
STT	:	Số thứ tự
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: **HỘ GIA ĐÌNH ÔNG NGUYỄN CÔNG TUẤN**
- Địa chỉ văn phòng: xã Ea H'Leo, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Nguyễn Công Tuấn
- Chức vụ: Chủ hộ
- Điện thoại: 0913487385

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ NGUYỄN CÔNG TUẤN**
- Địa điểm cơ sở: Cơ sở được đầu tư tại thửa đất số 106 tờ bản đồ số 10 tại xã Ea H'Leo, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, có diện tích đất 13.038,5 m². Diện tích đất được quy hoạch là đất nông nghiệp khác, phù hợp với loại hình chăn nuôi của dự án. Khu đất có các hướng tiếp giáp như sau:
 - Phía Bắc giáp đất rẫy;
 - Phía Nam giáp đất rẫy;
 - Phía Tây giáp đường đi liên thôn;
 - Phía Đông giáp trang trại hộ bà Hoàng Mộng Lan
- Cơ sở trước đây đã được xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường số 11/GXN-UBND ngày 21/7/2020 của UBND huyện Ea H'Leo.
- Quy mô của cơ sở:
 - + Quy mô sử dụng đất của Cơ sở 13.038,5 m², , các hạng mục như sau:

Bảng 1. Các hạng mục công trình

TT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH (m ²)
I	Các hạng mục chính	
	Chuồng chăn nuôi (03 chuồng)	4.500
II	Các hạng mục công trình phụ trợ	
1	Nhà kho chứa thức ăn	100
2	Nhà ở, chứa vật tư	100
III	Các hạng mục về bảo vệ môi trường	

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở
“Trang trại chăn nuôi gà Nguyễn Công Tuấn”*

TT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH (m ²)
1	Khu vệ sinh	9
2	Khu vực bãi chứa phân tạm thời	16
3	Hồ lắng sinh học nước thải vệ sinh chuồng, máng ăn (3x5x2) m	15

Diện tích còn lại gồm sân bãi, hành lang chuồng trại, cây xanh...

+ Kết cấu thiết kế một số hạng mục:

* Chuồng trại: gồm 03 dãy trại nuôi, tổng diện tích 4.500 m². Nền tráng bê tông; tường dày 10 cm; vách xây lên cao 60 cm, hệ thống lưới rào B40 bao quanh tạo thành vách và được phủ màn bạt xung quanh trại. Mái trại được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole. Khung trại kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

* Nhà kho và nhà ở nhân viên: Nền tráng bê tông; vách xây tường 10 cm. Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole. Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

* Diện tích cây xanh: Chiếm phần lớn diện tích khu đất (trên 50%).

Cây xanh được bố trí trồng dọc theo tuyến đường chính và xung quanh cơ sở nhằm tạo cảnh quan cho cơ sở. Cây xanh được trồng ở xung quanh cơ sở nhất là khu vực cuối hướng gió sau các quạt hút của các dãy trại tạo nên vùng đệm cây xanh che chắn và hấp thụ bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

+ Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019, Cơ sở nêu có tổng mức đầu tư 1 tỷ đồng (dưới 60 tỷ đồng). Căn cứ Khoản 4, Điều 8 và Khoản 3, Điều 10, Luật đầu tư công số 39/2019/QH14, Cơ sở thuộc tiêu chí phân loại Cơ sở nhóm C.

Gà thịt: 15.000 con tương đương 75 đơn vị vật nuôi (Theo Mục 5.2.2, Mục số 1, Phụ lục 5 của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020, hệ số đơn vị vật nuôi của gà hướng trứng là 0,005, tương đương 200 số đầu con/đơn vị vật nuôi). Như vậy, quy mô chăn nuôi của Cơ sở tương đương 75 đơn vị vật nuôi. Theo Mục số 16, Phụ lục II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Cơ sở nêu trên thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất nhỏ (từ 10 đến dưới 100 đơn vị vật nuôi).

Căn cứ Mục số 1, Phụ lục V, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Cơ sở nêu trên thuộc Nhóm III thuộc đối tượng phải xin cấp Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của UBND huyện Krông Nô. Báo cáo được xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục XI, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

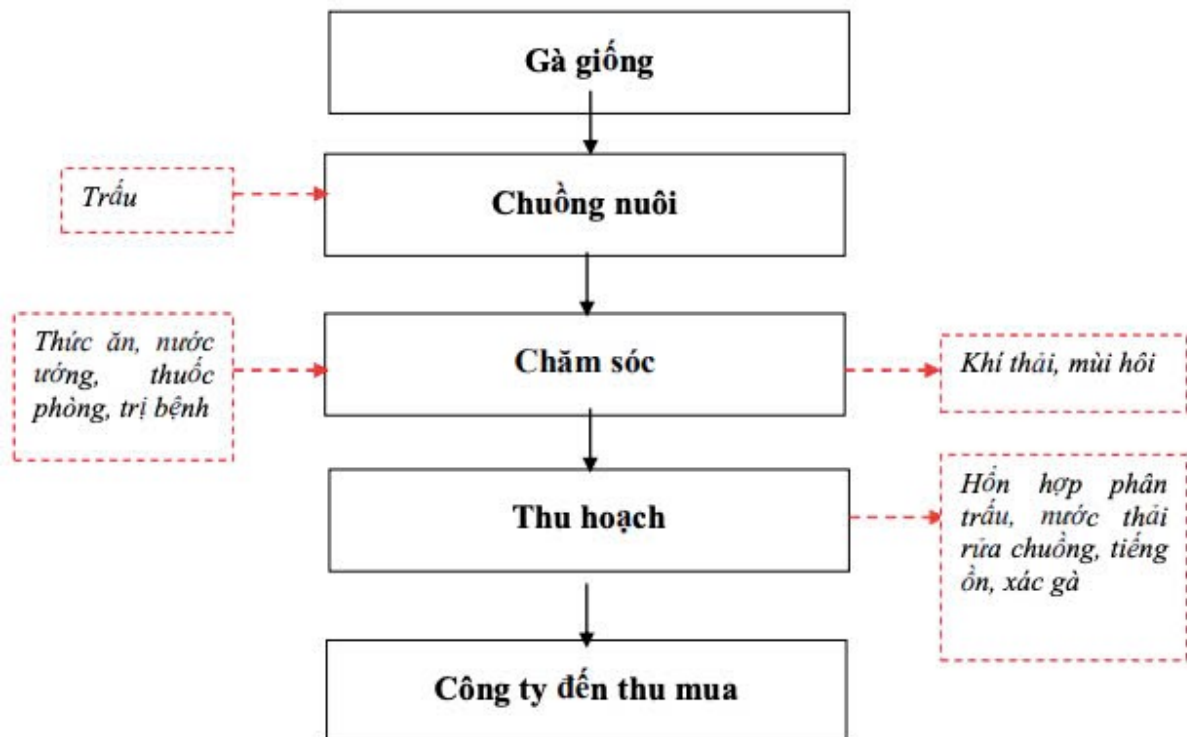
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

+ Công suất của cơ sở: 15.000 con gà thịt/đợt nuôi (03 chuồng), mỗi năm nuôi 3 đợt.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Cơ sở có quy mô 01 trại nuôi, số lượng con là 15.000 con/đợt nuôi. Mỗi đợt nuôi có thời gian khoảng 03 tháng. Quy trình nuôi được thể hiện như sau:



Hình 2. Công nghệ chăn nuôi gà thịt

Thuyết minh quy trình chăn nuôi gà đẻ trứng:

Gà giống khoảng 1 ngày tuổi được công ty cung cấp con giống cung cấp và vận chuyển đến cơ sở. Công nhân sẽ vận chuyển các thùng chứa gà giống vào chuồng nuôi, sau đó thả gà ra các khu quây úm đã được chuẩn bị sẵn.

* Quá trình úm gà như sau:

+ Ngay khi gà đến trại, phải nhanh chóng cho gà vào quây úm. Cho gà uống đầy đủ nước có hòa vitamin C và đường glucose.

+ Cho gà uống nước trong vòng 2-4 giờ đầu sau đó mới đồ cám cho gà con tập ăn.

+ Nhiệt độ úm: nhiệt độ thích hợp cho gà trong tuần đầu là 32 - 34⁰C và cứ sau một tuần nhiệt độ sẽ giảm 2⁰C.

+ Thời gian úm: thường là từ 10 - 14 ngày Sau khi kết thúc quá trình úm gà thì gà con được thả ra chuồng nuôi với mật độ nuôi khoảng 10 con/m² . Lúc này trong chuồng nuôi lớp trấu độn phải được trải đều khắp chuồng với bề dày khoảng 10 cm.

Cơ sở áp dụng mô hình chăn nuôi gà thịt chuồng lạnh tiên tiến. Chuồng nuôi được xây dựng khá kín đảm bảo cách ly với bên ngoài, phía trước chuồng nuôi là các tấm làm mát cooling pap và cửa chuồng, hai bên chuồng nuôi được phủ lớp bạt che chắn, phía trên mái nhà lợp tole, phía cuối chuồng nuôi sẽ được bố trí 9 - 10 quạt hút. Lượng nước sạch sẽ được bơm lên đầu các tấm làm mát cooling pap, nhờ vào cấu tạo đặc biệt lượng nước này sẽ chảy cuống các khe rãnh của các tấm cooling pap tạo thành những dòng nước nhỏ li ti, khi đó lực hút của các quạt hút ở cuối chuồng sẽ hút các dòng nước li ti này cùng với không khí bên ngoài để tạo thành hơi mát, dòng hơi mát này sẽ được hút về cuối chuồng nuôi, đảm bảo chuồng nuôi giữ được nhiệt độ mát mẻ khoảng 22 - 25⁰C.

* Quá trình chăm sóc gà như sau:

- Thức ăn: Lượng thức ăn sẽ được các công ty cung cấp, tỷ lệ dinh dưỡng của thức ăn sẽ thay đổi theo độ tuổi của gà, cụ thể như sau:

- + Thức ăn cho gà con từ 1 - 14 ngày tuổi có 21% đạm.
- + Thức ăn cho gà choai từ 15 - 28 ngày tuổi có 19% đạm.
- + Thức ăn cho gà thịt từ 29 - 42 ngày tuổi có 18% đạm.
- + Thức ăn cho gà nuôi vỗ béo từ 43 ngày tuổi trở lên có 17% đạm.

- Cách thức cho ăn: khi gà còn nhỏ cho gà ăn nhiều lần trong ngày, mỗi lần bỏ một ít thức ăn, thức ăn phải luôn luôn mới. Sau 2 tuần số lần cho ăn trong ngày sẽ giảm dần. Gà càng lớn thời gian ăn càng nhanh hơn, nên chỉ cho gà ăn vào buổi sáng và buổi chiều mát để tránh hiện tượng gà bị chết nóng.

- Phòng bệnh: nếu việc phòng bệnh tốt sẽ hạn chế được khả năng bệnh tật của gà, giảm tỉ lệ loại thải và giúp gà tăng trọng nhanh. Việc phòng bệnh bao gồm quy trình vệ sinh chuồng trại, tiêm vắc xin và uống thuốc phòng bệnh.

* Vệ sinh chuồng trại:

- Phải luôn giữ cho nền chuồng khô ráo.
- Hạn chế cho người lạ vào trại, các xe ra vào trại phải xịt thuốc sát trùng.
- Hạn chế nguồn lan truyền bệnh như chuột, chim...

* Thu hoạch:

Gà 3 tháng tuổi có trọng lượng khoảng 3,1 kg/con sẽ được xuất chuồng, lượng gà này sẽ được các công ty đối tác đến thu mua, bao tiêu sản phẩm. Công nhân sẽ cho khoảng 3 - 4 con gà vào một cái lồng và chất lên xe chở gà.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở
“Trang trại chăn nuôi gà Nguyễn Công Tuấn”*

Lượng phân và trấu trong chuồng sẽ được công nhân thu gom hay do thương lái mua phân gà trực tiếp đến thu gom vào các bao PP và đem bán. Sau đó công nhân sẽ quét dọn chuồng, phun xịt nước rửa chuồng, rải vôi, phun xịt sát trùng để chờ vụ nuôi tiếp theo. Thông thường thời gian cách ly giữa 2 đợt nuôi là khoảng 1 - 2 tháng.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của Cơ sở khoảng 15.000 con gà thịt/đợt, mỗi năm nuôi 03 đợt.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hoá chất

a. Nguyên liệu

- Gà giống: 15.000 con/đợt nuôi (mỗi năm Cơ sở sẽ nuôi 03 đợt). Gà giống tại cơ sở là gà giống 1 ngày tuổi được các công ty đối tác cung cấp.

- Thức ăn hỗn hợp: khoảng 88 tấn/đợt nuôi. Lượng thức ăn hỗn hợp sẽ được các công ty đối tác cung cấp.

- Trấu: theo thống kê tại cơ sở thì lượng trấu sử dụng khoảng 6,5 tấn/đợt nuôi.

- Các loại vắc xin, thuốc phòng trị bệnh cho gà: khoảng 32 kg/đợt nuôi, các loại vắc xin, thuốc phòng trị bệnh cũng sẽ do các công ty đối tác cung cấp cho cơ sở.

b. Nhiên liệu

Nhiên liệu đầu vào phục vụ hoạt động Cơ sở được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 2. Nhu cầu nhiên liệu đầu vào

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị/năm	Sản lượng/năm
1	Clorin	Tấn	0,08
2	Vôi bột	Tấn	0,33
3	Formol 2-3% , thuốc sát khuẩn Biodine	Lít	0,65
4	Xút 2 -3 %	Kg	6,52
5	Chế phẩm sinh học EM, hóa chất diệt ruồi	Lít	39

(Nguồn: Chủ cơ sở Phạm Thị Vinh)

4.2. Nhu cầu nhiên liệu

- Dầu DO chạy máy phát điện: Chủ yếu dùng để vận hành máy phát điện dự phòng khi có sự cố cúp điện. Cơ sở có 01 máy phát điện công suất 125 KVA, định mức sử dụng là 12 lít/giờ.

- Gas để nấu ăn: khoảng 6 kg/tháng.

4.3. Nhu cầu sử dụng điện

Cơ sở sử dụng điện nhằm phục vụ quá trình sinh hoạt, các máy móc thiết bị điện trong Cơ sở, sử dụng tối đa khoảng 1.500 kW/tháng. Nguồn cung cấp từ hệ thống lưới điện khu vực.

Cơ sở có sử dụng 01 máy phát điện dự phòng có công suất 125 KVA.

4.4. Nhu cầu sử dụng nước

Lượng nước này sử dụng với cho nhiều mục đích khác nhau như: Nước dùng cho sinh hoạt, nước cho gia cầm uống, nước làm mát và nước vệ sinh chuồng trại sau mỗi đợt nuôi.

+ Nước cấp cho sinh hoạt: Theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 33:2006. tổng lượng nước sử dụng cho sinh hoạt tính trung bình cho 01 người là 80 lít/người/ngày. Công nhân làm việc tại Cơ sở là 02 người. Tổng lượng nước cấp là 0,16 m³/ngày.

+ Nước cấp cho gà uống:

Nước cấp cho gà uống: tùy theo độ tuổi của gà mà lưu lượng nước uống sẽ khác nhau. Theo thống kê thực tế tại cơ sở thì: đối với gà từ 2 - 5 ngày tuổi thì lượng nước cấp cho gà uống là 20 lít/chuồng nuôi; đối với gà từ 6 - 10 ngày tuổi thì lượng nước uống là 100 lít/chuồng nuôi; đối với gà từ 11 - 20 ngày tuổi thì lượng nước uống là 600 lít/chuồng nuôi; đối với gà từ 21 - 30 ngày tuổi thì lượng nước uống là 1.200 lít/chuồng nuôi; đối với gà từ 31 - 45 ngày tuổi thì lượng nước uống là 1.500 lít/chuồng nuôi.

Cơ sở có 03 chuồng nuôi, lượng nước cấp cho gà uống tối đa 1.500 lít/ngày.

- Nước mát cho quá trình làm mát bằng các tấm Cooling Pap: mỗi chuồng nuôi sử dụng khoảng 0,5 m³/chuồng nuôi nước cho quá trình làm mát, lượng nước này sẽ được tuần hoàn sử dụng và mỗi ngày chỉ bổ sung khoảng 20% lượng nước ban đầu do thất thoát, cơ sở có 03 chuồng nuôi nên lượng nước sử dụng để làm mát là 0,5 m³ /chuồng nuôi và mỗi ngày bổ sung thêm khoảng 0,1 m³ /ngày.

- Nước vệ sinh chuồng trại, máng ăn: lượng nước này chỉ sử dụng sau khi kết thúc vụ nuôi, theo thống kê tại cơ sở thì lượng nước vệ sinh chuồng trại, máng ăn sau khi kết thúc vụ nuôi là khoảng 05 m³/chuồng nuôi, trung bình mỗi năm nuôi khoảng 3 đợt thì lượng nước vệ sinh chuồng trại, máng ăn tại cơ sở là 15 m³ /năm.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở
“Trang trại chăn nuôi gà Nguyễn Công Tuấn”*

Bảng 3. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở

STT	Mục đích sử dụng	Lưu lượng cấp (m ³ /ngày)	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Ghi chú
1	Nước cấp cho sinh hoạt	0,16	0,16	Chỉ sử dụng trong thời gian thả nuôi
2	Nước cấp cho gà uống	1,5	-	
3	Nước làm mát	0,5 m ³ /đợt nuôi + 0,1 m ³ /ngày	-	
4	Nước vệ sinh chuồng trại, máng ăn	5 m ³ /đợt nuôi	5	Chỉ sử dụng khi kết thúc đợt nuôi

Như vậy, tổng nhu cầu lượng nước tối đa cho quá trình hoạt động của sở trong quá trình thả nuôi là: 2,16 m³/ngày.

Tổng nhu cầu cung cấp nước phục vụ cho quá trình vệ sinh chuồng trại, kết thúc đợt nuôi như sau: (kết thúc đợt nuôi không sử dụng nước cho gà uống và nước làm mát) là 5,16 m³ /ngày.

Nguồn nước cung cấp: Giếng khoan tại Cơ sở. Sử dụng 03 bồn chứa nước bằng inox với dung tích chứa 1,5 m³ mỗi bồn để phân phối đến các công trình sử dụng nước.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Trang trại chăn nuôi gà Hộ gia đình Nguyễn Công Tuấn được bố trí trên diện tích đất ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc đất nông nghiệp khác phù hợp với mục đích sử dụng đất.

Tại thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án (tháng 12/2024), quy hoạch tỉnh Đắk Lắk và phân vùng môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Do đó, báo cáo không có cơ sở để đề cập cụ thể đến nội dung này.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận nước thải

2.1.1. Nước thải sinh hoạt

Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên được thu gom toàn bộ về bể tự hoại 3 ngăn, tại đây được xử lý sơ bộ. Định kỳ chủ Cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng hút, xử lý theo quy định, do đó không phát thải ra môi trường, không ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của môi trường trong khu vực Cơ sở.

2.1.2. Nước thải chăn nuôi

Nước thải từ các khâu vệ sinh chuồng trại và nước rỉ phân. Tính chất nước thải chăn nuôi có hàm lượng BOD₅, COD, các hợp chất hữu cơ và vi sinh vật gây bệnh. Nước vệ sinh chuồng trại chỉ phát sinh sau mỗi lứa nuôi.

Lượng nước thải chăn nuôi phát sinh trong ngày lớn nhất là 5 m³/ngày (03 tháng phát sinh một lần lúc vệ sinh chuồng trại, máng ăn) mới tiến hành vệ sinh chuồng trại, cơ sở sử dụng máy nén xít nên lượng nước sử dụng rất ít. Do đó cũng không tác động nhiều vào nguồn tiếp nhận là 01 hồ chứa sinh học trong khuôn viên cơ sở.

Nước thải chăn nuôi sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B; QCVN 1-195:2022/BNNT được lưu chứa tại hồ sinh học để tưới gốc cho cây trồng trong cơ sở.

2.2. Về khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận khí thải

Đối với loại hình chăn nuôi gia cầm thì mùi hôi là tác nhân gây ô nhiễm môi trường đặc trưng. Mùi hôi chủ yếu phát sinh từ các chuồng nuôi, do các tác nhân gây mùi hôi phát sinh từ phân gà. Chuồng nuôi được xây dựng theo dạng chuồng lạnh, cửa trước và vách được xây kín, chỉ bố trí hệ thống quạt hút ở cuối dãy chuồng nuôi. Bên cạnh đó xung quanh Cơ sở chủ yếu là cây xanh chiếm diện tích khá lớn trên 50% nên việc giảm thiểu mùi hôi được triệt để hơn.

Vì vậy, khả năng chịu tải môi trường không khí khu vực hoàn toàn có thể đáp ứng được các hoạt động của Cơ sở.

2.3. Về khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải rắn

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh số lượng rất ít vì chỉ có 02 công nhân làm việc tại trại. Lượng thải này được thu gom phân loại, đựng trong túi rác chuyên dụng và xử lý theo đúng quy định, không xả thải ra môi trường.

+ Chất thải rắn chăn nuôi: Bao bì đựng cám sẽ tận dụng để đựng các bao phân, các lọ vacxin thì sau khi tiêm xong sẽ được trả lại cho nhà cung cấp nên không phát sinh.

+ Chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở như Pin, bóng đèn... sẽ được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý.

+ Khu vực Cơ sở có diện tích rộng, xung quanh nhiều cây xanh và việc xử lý xác vật nuôi được thực hiện theo phương pháp chôn lấp tuân thủ theo đúng *Phụ lục 06 - Thông tư số 01/VBHN-BNNPTNT ngày 16/11/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn*.

Vì vậy, khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải rắn của Cơ sở hoàn toàn có thể đáp ứng được.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

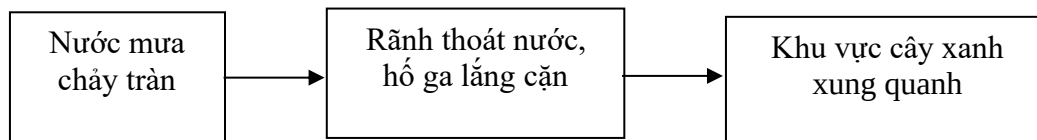
1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt. Toàn bộ diện tích xung quanh các hạng mục xây dựng được bê tông hóa, phục vụ cho việc đi lại và thu gom, tiêu thoát nước mưa chảy tràn.

+ *Thu nước mưa trên mái*: Nước mưa trên mái được thu gom bằng máng dẫn có đường kính D114 mm và chảy vào hệ thống rãnh thoát nước có hố ga lắng cặn trên mặt bằng Cơ sở trước khi chảy tràn ra khu vực cây xanh xung quanh.

+ *Thu nước mưa chảy tràn trên mặt đất*: Nước mưa chảy tràn trên mặt đất khu vực xây dựng các hạng mục công trình của Cơ sở theo rãnh thoát nước vào hố ga lắng cặn và chảy tràn ra khu vực cây xanh xung quanh.

- Phương thức thoát nước mưa: Tự chảy theo độ dốc địa hình.



Hình 3. Sơ đồ thoát nước mưa tại cơ sở

1.2. Thu gom, thoát nước thải

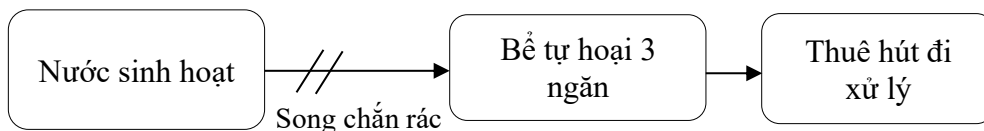
a. Nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bao gồm các nguồn:

- Nước thải bệ xí từ nhà vệ sinh, các bồn rửa tay trong quá trình sinh hoạt hàng ngày của nhân viên. Cơ sở đã thải ra một lượng nước thải có nồng độ ô nhiễm. Trong thành phần của nước thải này có chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), chất dinh dưỡng (N/P) và vi khuẩn gây bệnh. Lượng thải tối đa 0,16 m³/ngày.đêm (Theo tính toán nhu cầu sử dụng nước tại chương 1 là 0,16 m³/ngày.đêm, lượng thải tính bằng 100% lượng sử dụng).

- Nước thải vệ sinh chuồng trại: Trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng gà không phát sinh nước thải do Cơ sở sử dụng trấu làm chất đệm với phân gà. Lượng nước thải chủ yếu phát sinh ở giai đoạn xuất gà thải loại, sử dụng nước để vệ sinh chuồng trại, máng ăn. Lượng nước vệ sinh chuồng trại phát sinh của cơ sở là 5 m³/đợt nuôi.

b. Công trình thu gom, thoát nước thải phát sinh tại cơ sở

- Nước thải sinh hoạt từ các bồn rửa tay và từ các bể xí được thu gom bằng ống PVC Ø90 mm dẫn xuống 01 (Một) bể tự hoại 3 ngăn xử lý sơ bộ. Nước thải sau khi xử lý được lưu trữ tạm thời trong ngăn cuối của bể tự hoại 03 ngăn và định kỳ hợp đồng với đơn vị thu gom hút đi xử lý.



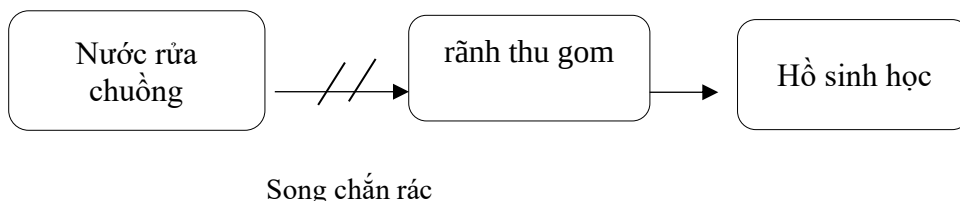
Hình 4. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt tại Cơ sở

Thông số kỹ thuật bể tự hoại 03 ngăn:

01 bể tự hoại 3 ngăn có kích thước (dài x rộng x cao): 3m x 2m x 2m, với thể tích là 12 m³, bể tự hoại được xây bằng gạch M200mm, chống thấm hai lớp bên trong bằng vữa xi măng, có nắp đan bê tông.

- Nước thải vệ sinh chuồng trại: Lượng nước thải sau khi xịt rửa chuồng trại sẽ chảy theo độ dốc địa hình và được thu gom phát sinh sau khi kết thúc đợt nuôi với lưu lượng 5 m³ /đợt nuôi, lượng nước thải này sẽ chảy về hồ sinh học thông qua đường rãnh thu gom (bê tông) v.

Định kỳ chủ Cơ sở bổ sung clorin để xử lý trong trường hợp phát hiện nước tại hồ sinh học có nguy cơ ô nhiễm hoặc không đạt quy chuẩn.



Hình 5. Sơ đồ thu gom nước thải vệ sinh chuồng trại tại Cơ sở

Thông số kỹ thuật bể:

- Hồ sinh học:
- + Thể tích 30 m³ được lót bạt HDPE chống thấm.
- + Số lượng: 01 hồ.

c. Điểm xả nước thải

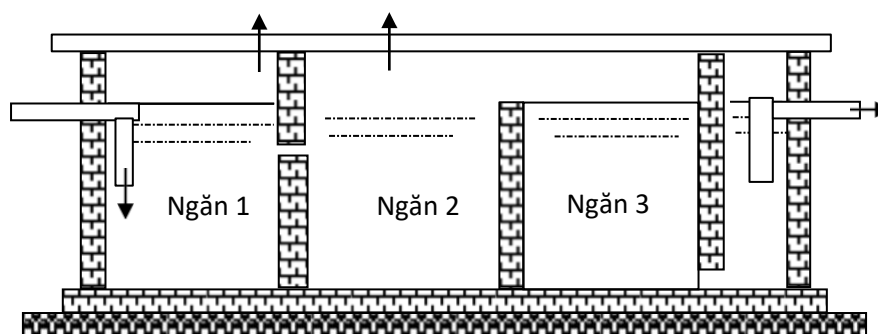
+ Nước thải sinh hoạt được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn định kỳ được chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng hút, xử lý theo quy định.

+ Nước thải chăn nuôi sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B; QCVN 1-195:2022/BNNT được lưu chứa tại hồ sinh học để tưới gốc cho cây trồng trong cơ sở.

1.3. Xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ tại Bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại là công trình xử lý nước thải đồng thời làm chức năng: lắng, phân hủy cặn lắng và lọc. Cặn lắng giữ trong hầm khoảng 6 – 8 tháng, dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan.



Hình 6. Cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn

Thuyết minh quy trình vận hành: Nước thải được thu gom vào ngăn lắng sơ cấp tiếp nhận nước thải rồi chảy sang ngăn phân huỷ yếm khí. Ở ngăn phân huỷ yếm khí, dưới sự hoạt động của vi sinh vật kỵ khí, lên men các chất ô nhiễm tạo thành khí CH_4 , CO_2 ,...khí thải được thoát ra ngoài theo đường ống dẫn khí. Hỗn hợp nước thải được dẫn qua bể lắng thứ cấp, phần nước trong được dẫn ra ngoài. Phần bùn được giữ lại trong các ngăn lắng, dưới tác dụng của vi khuẩn kỵ khí sẽ phân huỷ thành các chất khoáng, khí hoà tan.

Nhằm nâng cao hiệu quả xử lý của bể tự hoại, Chủ Cơ sở thực hiện:

+ Bổ sung chế phẩm BiO dạng lỏng vào bể tự hoại để khử mùi hôi và tăng cường các quá trình trao đổi, phân giải các chất hữu cơ trong bể tự hoại, làm giảm sự hình thành màng hữu cơ trên bề mặt bể nên ngăn chặn hiện tượng đầy giả tạo và tắc nghẽn sự lưu thông của hệ thống.

+ Ưu điểm của chế phẩm BiO: Không độc hại với người, động vật và môi trường, ngăn chặn mùi hôi bể chứa nước thải, nâng cao hiệu quả xử lý các chất hữu cơ trong nước thải.

+ Định kỳ 2 tháng/lần bổ sung chế phẩm BiO để nâng cao hiệu quả làm sạch công trình.

Hiệu suất xử lý trung bình theo hàm lượng cần lơ lửng SS, COD, BOD₅ giảm khoảng 80-90%. Nước thải sau xử lý sơ bộ bằng 3 bể tự hoại 3 ngăn và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý (hút bùn bể tự hoại với tần suất 6-8 tháng/lần, hút nước thải từ ngăn cuối của bể tự hoại với tần suất 75 ngày/lần (tùy thuộc vào tình hình kinh doanh thực tế)).

b) Nước thải vệ sinh chuồng trại:

Cơ sở sử dụng phương pháp vệ sinh bằng vòi xịt áp suất cao nên lượng nước thải phát sinh ít (*Lượng nước dính ít phân vì phân gà đã được cào sạch cùng với trấu trước đó và vận chuyển ra khu tập kết*). Lượng nước thải sau khi xịt rửa chuồng trại sẽ chảy theo độ dốc địa hình và được thu gom theo rãnh bê tông xung quanh chuồng trại. Lượng nước sau đó được tự chảy về hồ sinh học được lót bạt HDPE để xử lý.

+ Tại hồ sinh học các vi sinh vật sử dụng oxy từ rêu, tảo trong quá trình quang hợp cũng như oxy từ không khí để oxy hóa các chất hữu cơ và rong tảo trong hồ sinh học lại tiêu thụ CO₂, photphat, nitrat, amoni sinh ra từ sự phân hủy, oxy hóa các chất hữu cơ của vi sinh vật. Khả năng loại bỏ BOD₅ cao > 90%, khả năng loại bỏ đạm 70-90%, photpho từ 30-40%, khả năng tiêu diệt các mầm bệnh cao (trên 90%). Đồng thời, chủ Cơ sở sử dụng các loài thực vật thủy sinh để tăng khả năng hấp thụ và xử lý chất thải trong hồ sinh học.

Định kỳ chủ Cơ sở còn bổ sung clorin để xử lý trong trường hợp phát hiện nước tại hồ sinh học có nguy cơ ô nhiễm hoặc không đạt quy chuẩn. Nước thải chăn nuôi sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B; QCVN 1-195:2022/BNNPTNT được lưu chứa tại ao để tưới gốc cho cây trồng trong cơ sở.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải từ phương tiện giao thông

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm...được xem là dạng ô nhiễm phân tán dọc theo tuyến đường vận chuyển. Để ngăn ngừa và hạn chế khả năng phát tán bụi, khí thải ra môi trường không khí, chủ Cơ sở thực hiện các biện pháp như sau:

- Đối với các phương tiện giao thông ra vào khu vực cần đề nghị giảm tốc độ xe để hạn chế khí thải.

- Phun nước tại khu vực trước khuôn viên Cơ sở nơi có phương tiện vận tải thường xuyên ra vào.

- Bê tông hóa sân đường nội bộ, các phương tiện không được di chuyển trong khuôn viên Cơ sở.

Giảm thiểu ô nhiễm không khí từ hoạt động chăn nuôi

Đối với loại hình chăn nuôi gia cầm thì mùi hôi là tác nhân gây ô nhiễm môi trường đặc trưng. Mùi hôi chủ yếu phát sinh từ khu vực chuồng nuôi, do các tác nhân gây mùi hôi từ phân gà. Các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Chuồng nuôi được xây dựng theo dạng chuồng lạnh, cửa trước và vách được xây kín, chỉ bố trí hệ thống quạt hút ở cuối dãy chuồng nuôi.
- Vệ sinh chuồng trại thường xuyên bằng cách phun các chế phẩm sinh học, thuốc khử trùng, tránh ứ đọng chất thải.
- Lắp đặt hệ thống thông gió cưỡng bức quạt hút tại mỗi chuồng nuôi. Hệ thống thông gió luôn đảm bảo hoạt động tốt không gây ứ đọng mùi, hơi ẩm trong khu vực chăn nuôi gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực cơ sở nhằm cải thiện môi trường không khí và hạn chế khuếch tán mùi, bụi ra khu vực bên ngoài.
- Hồn hợp phân gà và trấu được cào thành đống và vô bao buộc kín miệng bên trong chuồng trại. Lượng bao phân này sẽ được chở đi bán trong ngày để tránh gây mùi hôi.
- Trong quá trình chăn nuôi, sau khi kết thúc đợt nuôi, thương lái sẽ đến thu gom và mua hết lượng trấu và phân gà trong ngày. Tuy nhiên đối với trường hợp thương lái không đến thu mua trong ngày thì chủ cơ sở sẽ cho công nhân thu gom trấu và phân gà vào bao PP buộc kín miệng, tạm chứa trong chuồng trại để không gây ra mùi hôi.

Giảm thiểu ô nhiễm khí thải từ máy phát điện dự phòng

Ảnh hưởng của các loại khí thải phát sinh từ máy phát điện là không đáng kể, do máy phát điện chỉ được sử dụng khi có sự cố mất điện. Tuy nhiên chủ Cơ sở sẽ bố trí ống khói cao 3m gắn vào máy phát điện dự phòng để hạn chế ảnh hưởng của khí thải trong quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn thông thường sẽ được phân loại gồm: chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn chăn nuôi.

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

Nguồn phát sinh:

Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt gồm: các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, thực phẩm thừa, thức ăn thừa....

Khối lượng phát sinh:

Với số lượng nhân viên làm việc tại Cơ sở 02 người thì lượng chất thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày khoảng 1 kg/ngày.

Thiết bị lưu chứa:

+ Chất thải không có khả năng tái chế (thức ăn thừa, khăn giấy, bao bì nilong,...) với khối lượng phát sinh 0,5 kg/ngày. Bố trí 01 thùng rác nhựa HDPE loại 25 lít, màu xanh, có lót túi và có nắp đậy kín tại khu vực phát sinh.

+ Chất thải có khả năng tái chế (giấy báo, lon nước, chai lọ...) với khối lượng phát sinh 0,5 kg/ngày, thu gom về Nhà kho để lưu trữ tạm thời chất thải này.

Khu vực lưu chứa:

+ Đối với chất thải không có khả năng tái chế: Thùng rác 25 lít màu xanh, có lót túi được đặt tại khuôn viên phía trước Cơ sở.

+ Đối với chất thải có khả năng tái chế: Thu gom về Nhà kho để lưu trữ tạm thời chất thải này.

Biện pháp xử lý:

+ Đối với chất thải không có khả năng tái chế: Hiện tại khu vực Cơ sở chưa có đơn vị thu gom xử lý rác sinh hoạt nên định kỳ 2 lần/tuần sẽ cho nhân viên vận chuyển về bãi rác của địa phương để xử lý.

+ Đối với chất thải có khả năng tái chế: Khi khối lượng nhiều sẽ bán cho đơn vị thu mua phế liệu.

3.2. Chất thải rắn chăn nuôi:

Nguồn phát sinh:

Chất thải rắn chăn nuôi gồm: phân gà, trấu, bao bì đựng thức ăn chăn nuôi, xác gà chết không do dịch bệnh.

Khối lượng phát sinh:

+ Phân gà và trấu: với số lượng chăn nuôi 15.000 con/đợt nuôi/năm, tổng lượng thải ước tính 33 tấn/đợt nuôi/năm.

+ Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi:

Tổng khối lượng bao bì phát sinh sau mỗi đợt nuôi được tính như sau:

Ta có lượng thức ăn sử dụng trong 01 ngày:

$$(100\text{g/con} \times 15.000 \text{ con})/1000 = 1.500 \text{ kg}$$

Mỗi bao thức ăn trọng lượng 25 kg

Số bao thức ăn có trọng lượng 25 kg

$$1.500 \text{ kg}/25 \text{ kg} = 60 \text{ bao/ngày}$$

Mỗi đợt nuôi kéo dài 3 tháng (90 ngày), tổng số lượng bao thức ăn phát sinh sau mỗi đợt nuôi là:

$$60 \text{ bao/ngày} \times 90 \text{ ngày} = 5.400 \text{ bao/đợt nuôi.}$$

Mỗi bao thức ăn nặng khoảng 0,1 kg, như vậy khối lượng bao thức ăn sau mỗi đợt là:

$$5.400 \text{ bao/đợt nuôi} \times 0,1 \text{ kg} = 540 \text{ kg/đợt nuôi.}$$

+ Xác gà chết không do dịch bệnh: Ước tính khoảng 1% tổng số lượng nuôi, khoảng 150 con/đợt nuôi.

Thiết bị lưu giữ:

Toàn bộ bao bì đựng thức ăn chăn nuôi phát sinh hàng ngày sẽ được thu gom toàn bộ và lưu chứa trong nhà kho chung của trại nuôi và được tái sử dụng để chứa phân gà và lông gà trong các đợt thu gom.

Khu vực lưu chứa:

Phân gà sau khi được xử lý mùi hôi bằng men vi sinh và lông gà sẽ được chứa trong các bao bì đựng thức ăn, khu vực lưu chứa là tại cuối chuồng trại.

Biện pháp xử lý:

+ Phân gà và trấu được bán cho đơn vị có nhu cầu thu mua về sản xuất làm phân.

Quy trình xử lý phân như sau:

- Phân tươi được xử lý bằng cách pha loãng chế phẩm EM đã hoạt hóa và phun đều lên bề mặt phân có tác dụng lên men, ức chế vi sinh vật gây bệnh, loại bỏ mùi hôi thối.

- Phân gà sau khi đã xử lý được đóng bao, chứa tạm tại khu vực chứa phân và được chuyển giao cho đơn vị thu mua ngay trong ngày. Để giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm và mùi hôi thối, tại Trang trại phân không được lưu chứa qua đêm.

- Xung quanh khu vực chứa phân được bao bọc kín, phun khử trùng ruồi xung quanh, xử lý mùi bằng các chế phẩm sinh học an toàn.

+ Gà chết không do dịch bệnh thực hiện theo phương pháp chôn lấp tuân thủ theo đúng Phụ lục 06 – Thông tư số 01/VBHN-BNNPTNT ngày 16/11/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn. Chủ cơ sở lựa chọn kích thước hố là (sâu x rộng x cao) = (1,5m x 1,5m x 1,5m) để xử lý xác gà chết không do dịch bệnh. Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi/m², cho bao chứa xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nén chặt. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy. Hố chôn tại khu đất trống của cơ sở, cách nguồn nước tối thiểu 30m.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Bảng 4. Quy trình quản lý, xử lý chất thải nguy hại của Cơ sở

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Tải lượng (kg/đợt)	Nguồn phát sinh
1	Chai lọ, bao bì chứa thuốc thú y đã qua sử dụng	13 02 02	Rắn	2,4	Từ quá trình chăm sóc, tiêm gà, chữa bệnh cho gà
2	Kim tiêm đã qua sử dụng	13 02 01	Rắn	0,05	Từ quá trình tiêm ngừa, chữa bệnh cho gà
3	Dầu nhiên liệu và dầu Diesel thải	17 06 01	Lỏng	1,17	Cặn dầu từ máy phát điện dự phòng
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	0,5	Thắp sáng đường, chuồng nuôi
5	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	Rắn	0,07	Bảo dưỡng máy móc
Tổng cộng				4,19	

Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở được thu gom và lưu giữ trong các thùng chứa có nắp đậy (02 thùng, thể tích 25 lít/thùng), có dán nhãn tại mỗi thùng chứa và lưu giữ vào 1 vị trí cố định tại kho chứa chất thải nguy hại.

- Các chai lọ vacxin, thuốc thú y, kim tiêm sau khi sử dụng xong thì được trả lại cho đơn vị thực hiện tiêm cho gia cầm, chủ Cơ sở không lưu chứa tại Cơ sở.

Khu vực lưu chứa:

Chất thải nguy hại được lưu chứa trong các thùng chứa có dán nhãn chất thải nguy hại và được chứa tại 1 vị trí cố định trong Kho CTNH (kho có mái che, tường bao quang và nền chống thấm). Bố trí các thiết bị PCCC như bình xịt chữa cháy xách tay,... Phía ngoài phải có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

Biện pháp xử lý:

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo Quy định của Pháp luật.

- Tần suất vận chuyển: định kỳ 01 lần/năm và tùy vào hoạt động của Cơ sở.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a. Giảm thiểu tiếng ồn từ phương tiện vận chuyển

- Tăng cường công tác quản lý, phân luồng giao thông tại Cơ sở.
- Bố trí khu vực đỗ xe phù hợp.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, đăng kiểm định kỳ các phương tiện tham gia giao thông.

b. Giảm thiểu tiếng ồn từ máy phát điện

- Bố trí máy phát điện hợp lý, có lắp đệm chống ồn.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, thay nhớt định kỳ máy phát điện.

c. Giảm thiểu tiếng ồn từ vật nuôi

Đối với tiếng ồn do tiếng kêu của vật nuôi từ các dãy chuồng, thực tế ghi nhận với việc sử dụng công nghệ chăn nuôi một cách khoa học, vật nuôi sẽ đảm bảo luôn được cung cấp đầy đủ dinh dưỡng trong ngày nên sẽ không xảy ra tình trạng bị đói, do đó hạn chế được việc vật nuôi kêu lớn mỗi khi cho ăn.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động

Để tạo ra một môi trường lao động an toàn, các nhân viên làm việc tại Cơ sở phải áp dụng một số biện pháp sau:

- Xây dựng nội quy an toàn đầy đủ, yêu cầu nhân viên phải nắm vững và thực hiện, đưa ra hình phạt hợp lý đối với các cá nhân vi phạm.
- Công nhân lao động phải được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ.
- Máy móc, thiết bị phải được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ
- Thường xuyên tuyên truyền về an toàn lao động và vệ sinh môi trường cho tất cả các nhân viên nhằm nâng cao ý thức tự bảo vệ mình và thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo hộ lao động.
- Tập huấn cho tất cả nhân viên để họ biết và nắm rõ các kiến thức về dịch bệnh và phòng chống dịch bệnh.
- Bố trí thời gian làm việc hợp lý cho các nhân viên nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động.
- Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho cán bộ, công nhân.
- Thường xuyên giám sát, nhắc nhở công nhân và phát hiện sự cố để xử lý kịp thời.

b. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông

- Các phương tiện vận chuyển phải có giấy chứng nhận đăng kiểm của cơ quan chức năng, tránh nguy cơ gây mất an toàn giao thông và ô nhiễm môi trường không khí.
- Điều tiết lưu lượng xe cộ tham gia giao thông hợp lý.
- Đảm bảo lưu thông trên đường đúng tốc độ và tải trọng quy định.
- Đặt biển chỉ dẫn, cảnh báo và quy định đối với các phương tiện giao thông tại đầu tuyến đường vào khu Cơ sở; thiết lập vành đai an toàn cho Cơ sở theo yêu cầu chăn nuôi gà an toàn dịch bệnh.

c. Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ

- Khi lắp đặt các thiết bị điện và hệ thống điện cần theo đúng quy định và đúng kỹ thuật. Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện, các phụ tải và các thiết bị điện.
- Trang bị các thiết bị điện có chất lượng tốt, đúng tiêu chuẩn, công suất sử dụng.
- Xây dựng nội quy về an toàn sử dụng điện, phổ biến một số hiểu biết cơ bản về an toàn điện cho công nhân trong Cơ sở.
- Để đảm bảo an toàn điện cho người sử dụng điện, các công nhân vận hành, sửa chữa hệ thống điện của công trình, tất cả các vỏ bảng tủ điện, động cơ điện, các khung sườn máy bằng kim loại... đều được thiết kế tiếp đất an toàn theo đúng quy định trong quy chuẩn an toàn điện hiện hành.
- Cơ sở sẽ thiết kế hệ thống PCCC về mặt kiến trúc, công trình xây dựng và các hạng mục cấp nước chữa cháy, chống sét theo đúng yêu cầu và quy định.
- Đường nội bộ đảm bảo phương tiện cứu hỏa đến được tất cả các vị trí nhỏ nhất trong từng khu vực của Cơ sở, đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể khống chế được lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong các kho, chuồng trại. Kho cũng được bố trí cửa thông gió và tường cách ly để tránh tình trạng cháy lan theo tường hoặc theo mái.
- Các phương tiện PCCC được kiểm tra thường xuyên và trong tình trạng sẵn sàng.
- Lắp đặt hệ thống chống sét đánh thẳng.

d. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu khả năng phát sinh và lây lan dịch bệnh

Bệnh ở gà chủ yếu là cúm gia cầm. Một số biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu khả năng phát sinh và lây lan dịch bệnh như sau:

- Vệ sinh, khử trùng tiêu độc khu vực trại theo lịch cơ sở và theo các đợt phát động của địa phương.

- Phương tiện vận chuyển động vật và trứng: Định kỳ vệ sinh, tiêu độc khử trùng sau mỗi lần vận chuyển.

- Tiêm vắc xin phòng bệnh: Thực hiện tiêm phòng đầy đủ các loại Vắc xin theo *Phục lục 07 – Thông tư số 01/VBHN-BNNPTNT ngày 16/11/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.*

- Tiêm phòng khẩn cấp khi có ổ dịch xảy ra.

- Giám sát bệnh cúm gia cầm bao gồm: giám sát lâm sàng, giám sát lưu hành vi rút hoặc giám sát sau tiêm chủng. Việc giám sát được thực hiện theo hướng dẫn *Phục lục 02 – Thông tư số 01/VBHN-BNNPTNT ngày 16/11/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.*

e. Biện pháp xử lý gia cầm (gà) mắc bệnh

Khi thấy gà bị chết hoặc có dấu hiệu mắc bệnh, chủ Cơ sở thông báo cho cán bộ thú y xã hoặc thành viên trong Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh động vật cấp xã để cán bộ thú y tới lấy mẫu xét nghiệm xem có dương tính với các loại dịch bệnh hay không. Trường hợp xác định dương tính với bệnh dịch, chủ cơ sở sẽ phối hợp với địa phương chọn địa điểm tiêu hủy. Theo khuyến cáo nên ưu tiên chọn địa điểm tiêu hủy ngay tại khu vực chăn nuôi có động vật mắc bệnh hoặc địa điểm thích hợp khác gần khu vực có ổ dịch để hạn chế việc vận chuyển xác gà đi xa khiến virus phát tán ra ngoài môi trường ảnh hưởng tới các khu chăn nuôi an toàn khác.

Quá trình tiêu hủy toàn bộ gà chết do dịch bệnh được thực hiện quy định tại *Phục lục 06 - Thông tư số 01/VBHN-BNNPTNT ngày 16/11/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn*, cụ thể như sau:

+ Biện pháp tiêu hủy: Chủ cơ sở lựa chọn biện pháp tiêu hủy bằng cách đào hố chôn lấp.

+ Vị trí chôn lấp: Vị trí hố chôn đảm bảo phù hợp theo quy định, cách nhà dân, khu chuồng nuôi, giếng nước tối thiểu 30m.

+ Kích cỡ hố chôn: Chọn kích cỡ hố (sâu x rộng x cao) = (1,5m x 1,5m x 1,5m).

+ Các bước chôn lấp: Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi/m², cho bao chứa xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nện chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sụt, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

f. Giảm thiểu tác động ảnh hưởng từ côn trùng (ruồi)

Đề phòng chống ruồi có 02 nhóm biện pháp đó là: Nhóm các biện pháp phòng ngừa và nhóm biện pháp diệt. Trong đó nhóm biện pháp phòng ngừa là giải pháp tích cực, chủ động nhằm thủ tiêu tận gốc các ô phát sinh ruồi nhặng và ngăn chặn khả năng lan truyền mầm bệnh của chúng. Cốt lõi của biện pháp phòng ngừa là thực hiện công tác vệ sinh, cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường nhằm đạt các mục tiêu: Làm mất hoặc hạn chế các sinh các ấu trùng ruồi nhặng (ổ đẻ của ruồi nhặng); loại trừ các nguồn nhiễm bẩn và ngăn cản ruồi nhặng tiếp xúc với thức ăn, vật dụng và bản thân con người, cụ thể:

Hệ thống nước uống được kiểm tra thường xuyên để đảm bảo rằng không có rò rỉ, màng thức ăn luôn phải được dọn sạch ngay sau các lần cho ăn. Vệ sinh chuồng trại thường xuyên bằng cách phun các chế phẩm sinh học tăng cường khả năng phân hủy chất thải hạn chế tối đa mùi hôi và nguồn thức ăn cho ruồi.

Quy trình sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý ruồi và mùi hôi được áp dụng tại cơ sở như sau: Sử dụng thuốc Hantox trộn với Rigân và Inpotrator phun lên phân gà để tiêu diệt sự sinh sôi của đàn ruồi, đồng thời anh cũng dùng thuốc Cloramin B, AM, Vedan để khử mùi hôi thối từ phân gà.

g. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

Đối với trường hợp vào những ngày mưa lớn sẽ dẫn đến nguy cơ hồ sinh học bị tràn nước: Công nhân làm việc tại Cơ sở thường xuyên kiểm tra hồ sinh học tại Cơ sở khi trời mưa lớn, nếu thấy hồ có nguy cơ bị tràn sẽ tiến hành đắp bờ ao cao hơn và tu bổ để tránh tình trạng nước thải từ hồ chảy tràn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

a. Nguồn phát sinh nước thải: Cơ sở có 02 nguồn nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nguồn thải dẫn về bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ, lượng nước thải sau xử lý được chứa tạm trong ngăn cuối của bể tự hoại, định kỳ được chủ Cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng hút đi xử lý, không phát thải ra môi trường.

+ 01 bể tự hoại 3 ngăn có kích thước (dài x rộng x cao): 3m x 2m x 2m, với thể tích là 12 m³, bể tự hoại được xây bằng gạch M200mm, chống thấm hai lớp bên trong bằng vữa xi măng, có nắp đan bê tông.

- Nước thải chăn nuôi (vệ sinh chuồng trại): Nước từ quá trình vệ sinh chuồng trại, máng ăn (không phát sinh thường xuyên, chỉ phát sinh sau mỗi đợt nuôi), nguồn thải dẫn về 01 hồ sinh học được lót bạt HDPE có dung tích 30 m³. Sử dụng các loài thực vật thủy sinh để tăng khả năng hấp thụ và xử lý chất thải trong hồ. Nước thải chăn nuôi sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B; QCVN 1-195:2022/BNNPTNT được lưu chứa tại hồ sinh học để tưới gốc cho cây trồng trong cơ sở.

b. Lưu lượng xả thải:

Nước thải chăn nuôi sau xử lý: 5 m³/ngày (sau mỗi đợt nuôi, 3 tháng/đợt nuôi)

c. Dòng nước thải: Gồm 02 dòng nước thải đề nghị cấp phép

+ 01 dòng nước thải chăn nuôi (vệ sinh chuồng trại, máng ăn) được xử lý và lưu chứa tại hồ sinh học có lót bạt HDPE có thể tích 30 m³, sử dụng để tưới gốc cho cây trong khuôn viên trong cơ sở.

+ 01 dòng nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn bằng BTCT và được lưu tạm vào ngăn cuối và định kỳ hút đi xử lý.

d. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Bảng 5. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B K _q = 0,6; K _f = 1,3	QCVN 01-195:2022/BNNPTNT
1	pH	-	5,5-9	5,5-9
2	BOD ₅	mg/l	78	-

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở
“Trang trại chăn nuôi gà Nguyễn Công Tuấn”*

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 62- MT:2016/BTNMT, Cột B $K_q = 0,6; K_f = 1,3$	QCVN 01- 195:2022/BNNPTNT
3	COD	mg/l	234	-
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	117	-
5	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	117	-
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000	-
7	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	-	≤ 600
8	Asen (As)	mg/l	-	≤ 0,1
9	Cadimi (Cd)	mg/l	-	≤ 0,01
10	Crom tổng số (Cr)	mg/l	-	≤ 0,5
11	Thủy ngân (Hg)	mg/l	-	≤ 0,002
12	Chì (Pb)	mg/l	-	≤ 0,05
13	E.Coli	MPN/100ml	-	≤ 200

e. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nước thải chăn nuôi (nước vệ sinh chuồng trại) được thu gom và xử lý qua hồ sinh học, lượng thải được lưu chứa tại hồ để tưới gốc cho cây trồng trong cơ sở.

Tọa độ xả thải là X: 492437; Y= 1417628 (VN 2000, múi 3’).

- Nguồn thải dẫn về bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ, lượng nước thải sau xử lý được chứa tạm trong ngăn cuối của bể tự hoại, định kỳ được chủ Cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng hút đi xử lý, không phát thải ra môi trường. Tần suất dự kiến 75 ngày/lần và tùy thuộc vào tình hình hoạt động của Cơ sở.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

a. Nguồn phát sinh khí thải: Dự án có 02 nguồn khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ khu vực xử lý nước thải (Nguồn phân tán, không liên tục).

- Nguồn số 02: Khí thải từ khu vực máy phát điện (Nguồn phân tán).

b. Lưu lượng xả thải: cả 02 dòng khí thải là dòng phân tán nên không xác định được lưu lượng.

c. Dòng nước thải: Gồm 02 dòng khí thải đề nghị cấp phép

- Nguồn số 01: Khí thải từ khu vực xử lý nước thải (Nguồn phân tán, không liên tục).

- Nguồn số 02: Khí thải từ khu vực máy phát điện (Nguồn phân tán).

d. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

- Dòng khí thải số 01, 02: Chất lượng khí thải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, như sau:

Bảng 6. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 01 giờ)
1	SO ₂	µg/Nm ³	350
2	CO	µg/Nm ³	30.000
3	NO ₂	µg/Nm ³	200
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	300
5	NH ₃	µg/Nm ³	200
6	H ₂ S	µg/Nm ³	42

e. Vị trí, phương thức xả khí thải:

Cả 02 dòng khí thải là dòng phân tán, môi trường không khí xung quanh sẽ tiếp nhận 02 dòng khí thải này.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Từ máy phát điện dự phòng

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung

+ Giá trị giới hạn của tiếng ồn đáp ứng theo QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở
“Trang trại chăn nuôi gà Nguyễn Công Tuấn”*

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép	Ghi chú
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	
2	70	Khu vực thông thường

+ Giá trị giới hạn của độ rung đáp ứng theo QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép	Ghi chú
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	
2	70	Khu vực thông thường

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:

- Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu ra tại bể sinh học
- Thời gian lấy mẫu: 03/12/2024
- Kết quả lấy mẫu:

Bảng 16. Kết quả quan trắc nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 62- MT:2016/BTNMT	QCVN 1- 195:2022/BN NPTNT
				Cột B	
1	pH	-	8,01	5,5-9	5,5-9
2	BOD ₅	mg/l	41	100	-
3	COD	mg/l	78	300	-
4	TSS	mg/l	20	150	-
5	Tổng Nito	mg/l	22,7	150	-
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.900	5.000	-
7	E.Coli	MPN/100ml	28	-	<= 200

(Nguồn: Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt, tháng 12/2024)

Kết luận: Qua kết quả đo đạc chất lượng môi trường nước thải của Trang trại tại Bảng trên, ta thấy tất cả các chỉ tiêu đều đạt quy chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về QCVN62-MT:2016/BTNMT, Cột B) và QCVN 01-195:2022/BN NPTNT. Như vậy, chất lượng môi trường nước thải tại Trang trại được đảm bảo tốt và được phép tái sử dụng rửa chuồng, tưới gốc cây trồng.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Căn cứ Điểm d Khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Cơ sở thuộc đối tượng không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

Căn cứ theo mục 2 Điều 97 và mục 2,3,4 Điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ, quan trắc tự động liên tục. Tuy nhiên, để đảm bảo vấn đề bảo vệ môi trường, chủ Cơ sở xin tự đề xuất chương trình quan trắc, cụ thể như sau:

*** Quan trắc chất lượng môi trường không khí:**

- Vị trí giám sát: 01 điểm, tại khu vực xử lý nước thải 50m về phía cuối hướng gió.
- Tần suất giám sát: 12 tháng/lần
- Thông số giám sát: Mùi hôi, SO₂, NO₂, CO, NH₃, H₂S
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh.

*** Quan trắc chất lượng tiếng ồn và độ rung:**

- Vị trí giám sát: 01 điểm, tại khu vực bố trí máy phát điện
- Tần suất giám sát: 12 tháng/lần
- Thông số giám sát: Tiếng ồn và độ rung
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
 - + QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

*** Quan trắc chất lượng nước thải:**

- Vị trí giám sát: 01 điểm sau xử lý tại hồ sinh học
- Tần suất giám sát: 12 tháng/lần
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ, Tổng Coliform, Ecoli, Clorua, Asen, cadimi, Crom tổng, thủy ngân, Chì.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở
“Trang trại chăn nuôi gà Nguyễn Công Tuấn”*

- Quy chuẩn so sánh:

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi (Cột B, $K_q = 0,6$; $K_f = 1,3$).

+ QCVN 1-195:2022/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Bảng 11. Dự trù kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến
1	Quan trắc môi trường hàng năm	12 tháng/lần	8 triệu đồng/năm

CHƯƠNG VII

**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
CƠ SỞ**

Không có.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Chủ Cơ sở cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan

Trong quá trình hoạt động, Chủ Cơ sở cam kết thực hiện nghiêm túc các vấn đề sau:

- Cam kết lượng nước thải chăn nuôi (vệ sinh chuồng trại, máng ăn) phát sinh đúng như báo cáo đã đề xuất và lượng nước này sẽ được thu gom, xử lý đảm bảo đúng theo quy định

- Cam kết chất lượng nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi (Cột B, $K_q = 0,6$; $K_f = 1,3$) và QCVN 1-195:2022/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

- Cam kết thu gom và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và Thông Tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

- Cam kết chất lượng môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh.

- Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn lao động, ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định.

- Cam kết bố trí bộ phận chuyên trách về môi trường nhằm quản lý tốt các vấn đề về môi trường tại Cơ sở.

- Cam kết thực hiện lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm và quan trắc môi trường định kỳ theo đúng quy định.

- Thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình hoạt động.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Phụ lục 02: Giấy tờ về đất đai và giấy tờ pháp lý khác.
2. Phụ lục 03: Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại Cơ sở.